TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2021
"V/v ly hôn, nuôi con và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Cao Hữu G, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Hữu G kết hôn với nhau năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến ngày 30/12/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau và anh G thường uống rượu về hành hung với vợ con. Từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 người con tên Cao Hữu N, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Cao Thị T, sinh ngày 02/02/2012. Nay chị yêu cầu nuôi 02 đứa con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng còn thiếu nợ ông Nguyễn Văn D (là cha ruột) số tiền mượn là 20.000.000đ. Nay chị yêu cầu mỗi người trả 10.000.000đ.

Đối với bị đơn anh Cao Hữu G Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiền gì đối với yêu cầu của chị N.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/01/2021 ông Nguyễn Văn D trình bày như sau: Ông là cha ruột của chị Nguyễn Thị N, có cho vợ chồng chị N và anh G mượn 20.000.000đ, nay ông không có yêu cầu tòa án giải quyết đối với vợ chồng chị N và anh G trong vụ án này. Sau này có tranh chấp thì ông yêu cầu giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N có ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Hữu G.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con Cao Hữu N, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Cao Thị T, sinh ngày 02/02/2012. Không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn D 20.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên ý kiến là không yêu cầu tòa giải quyết đối với chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữ G về số nợ 20.000.000đ.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữu G được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N giao cháu Cao Hữu N, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Cao Thị T, sinh ngày 02/02/2012 cho Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Do ông Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, về nuôi con, nợ chung và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Cao Hữu G được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Cao Hữu G.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữu G kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ ngày 30/12/2013 nên hôn nhân của chị N và anh G là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cải và xung đột với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữu G ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữu G có 02 người con tên Cao Hữu N, sinh ngày 16/12/2008 và Cao Thị T, sinh ngày 02/02/2012. Chị N yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và hiện nay cuộc sống của các cháu ổn định, chị N có điều kiện để nuôi con và cũng theo nguyện vọng của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị N giao cháu Cao Hữu N và cháu Cao Thị T

cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000đ, nhưng ông D không có yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông D có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Cao Hữu G được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N giao cháu Cao Hữu N, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Cao Thị T, sinh ngày 02/02/2012 (theo nguyện vọng của cháu N và cháu T) cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Giào có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh G có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000đ, nhưng ông D không có yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông Da có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0007053 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N và ông D có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/4/2021). Đối với anh G vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Thạnh Tiến;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm